**

***HIỆP HỘI BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM (VBA)***

***Ý KIẾN ĐÓNG GÓP ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VỀ TRÁCH NHIỆM TÁI CHẾ, XỬ LÝ SẢN PHẨM, BAO BÌ THẢI BỎ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU***

| **STT** | **Điều khoản tham chiếu** | **Mô tả vấn đề** | **Kiến nghị** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | ***Tổng quan*** | Doanh nghiệp mong muốn Nghị định được xây dựng theo hướng:   1. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tái chế và tái sử dụng bao bì, đặc biệt trong ba (03) năm đầu triển khai thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020. 2. Hạn chế chi phí phát sinh, để tránh tăng giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp tới đông đảo người tiêu dùng. | 1. Xây dựng lộ trình tái chế sản phẩm, bao bì phù hợp với thực tế và công nghệ tái chế hiện có ở Việt Nam, trước mắt ưu tiên thu gom, tái chế những sản phẩm, bao bì khó thu gom, gây tác hại lớn cho môi trường. 2. Nghị định nên có chính sách khuyến khích tái chế, tái sử dụng và sử dụng vật liệu tái chế cho các sản phẩm và bao bì. |
| 2 | ***Điều 4, khoản 3***  3. Nhà sản xuất thực hiện trách nhiệm tái chế các sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu theo lộ trình quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này. | Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã sử dụng vật liệu tái chế cho các sản phẩm, bao bì của mình. Trong trường hợp này, có cần đòi hỏi trách nhiệm tái chế đối với họ hay không? Vì trên thực tế họ đã thực hiện tái chế, nhưng không nằm trong các phương thức tái chế trong dự thảo.  *Ví dụ, nhà sản xuất đồ uống sử dụng 100% lon nhôm được tái chế từ nhôm thu gom trên thị trường.* | 1. Vui lòng làm rõ việc các nhà sản xuất đang sử dụng nguyên liệu, bao bì tái chế có thuộc đối tượng này không? 2. Cách thức để các nhà sản xuất chứng minh được việc họ sử dụng vật liệu tái chế trong sản xuất. 3. Bổ sung thêm phương thức tái chế: sử dụng vật liệu tái chế trong sản xuất. |
| 3 | ***Điều 4, khoản 4***  4. Trường hợp nhà sản xuất thực hiện tái chế cao hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều này thì được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là 03 năm | Ban soạn thảo nên xem xét cả trường hợp tỷ lệ tái chế thấp hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc thì nhà sản xuất được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là 03 năm. | Vì vậy, chúng tôi đề nghị sửa thành:  “Trường hợp nhà sản xuất thực hiện tái chế cao hơn hoặc thấp tỷ lệ tái chế bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều này thì được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế của các năm tiếp theo; thời gian bảo lưu là ba (03) năm”. |
| 4 | ***Điều 4, khoản 5***  5. Quy trình xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc được quy định như sau:  a) Văn phòng thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất Việt Nam (viết tắt là Văn phòng EPR Việt Nam) tổ chức khảo sát, đánh giá, tham vấn và đề xuất tỷ lệ tái chế bắt buộc;  b) Hội đồng thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất quốc gia (viết tắt là Hội đồng EPR quốc gia) thảo luận, thông qua tỷ lệ tái chế bắt buộc;  c) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định công bố tỷ lệ tái chế bắt buộc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng EPR quốc gia. |  | 1. Cần có lộ trình cho tỷ lệ tái chế bắt buộc, tăng dần từng năm cho đến khi đạt được tỷ lệ tái chế cần thiết. 2. Tham khảo ý kiến hiệp hội / ngành cho tỷ lệ tái chế bắt buộc. |
| 5 | ***Điều 4, khoản 6***  6. Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 03 năm một lần. Tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Hội đồng EPR quốc gia kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận. | 1. Nên quy định cụ thể các trường hợp được điều chỉnh sớm chu kỳ tái chế bắt buộc, vì Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng thời là Chủ tịch Hội đồng EPR Quốc gia, nên khi Hội đồng EPR kiến nghị thì “đương nhiên” sẽ được Bộ trưởng chấp thuận. 2. Chu kỳ tái chế chỉ được điều chỉnh sau 24 tháng thực hiện và phải thông báo trước cho các doanh nghiệp biết trước ít nhất 06 tháng. Tỷ lệ tái chế bắt buộc điều chỉnh không quá 5% mỗi lần. | Đề nghị sửa khoản này như sau:  “*Tỷ lệ tái chế bắt buộc được điều chỉnh theo chu kỳ 24 tháng một lần. Tỷ lệ tái chế bắt buộc có thể được điều chỉnh sớm hơn khi Hội đồng EPR quốc gia kiến nghị và được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận. Tỷ lệ điều chỉnh sẽ được thông báo cho các doanh nghiệp liên quan trước ít nhất 6 tháng và không vượt quá 5% cho mỗi lần điều chỉnh*.” |
| 6 | ***Điều 5, khoản 2***  Công thức tính chi phí quản lý, vận hành hệ thống thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất  **Fm** = **3%** x **R** x **V** x **Fs** |  | Chúng tôi xin kiến nghị:   1. Nhà nước hỗ trợ khoản chi phí này trong ba (03) năm đầu tiên, kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, để khuyến khích các doanh nghiệp thu gom, tái chế. 2. Ban soạn thảo cho biết cơ sở đưa ra mức tỷ lệ “3%” này. |
| 7 | ***Điều 6, khoản 3***  3. Trường hợp kế hoạch tái chế, báo cáo kết quả tái chế không đạt yêu cầu, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nhà sản xuất hoặc bên thứ ba được ủy quyền để hoàn thiện trong thời hạn 10 ngày làm việc; trường hợp sản phẩm, bao bì được sản xuất, nhập khẩu thực tế cao hơn hoặc thấp hơn so với đăng ký kế hoạch thì được tính dồn vào kế hoạch năm tiếp theo. | Theo chúng tôi, thời hạn 10 ngày làm việc là quá ngắn để các doanh nghiệp thu thập số liệu và chỉnh sửa kế hoạch tái chế, báo cáo tái chế chưa đạt yêu cầu. Vì vậy, chúng tôi xin đề xuất Ban soạn thảo nới thêm thời gian là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng EPR Việt Nam | Chúng tôi kiến nghị sửa khoản 3, Điều 6 thành:  *“Trường hợp kế hoạch tái chế, báo cáo kết quả tái chế không đạt yêu cầu, Văn phòng EPR Việt Nam thông báo nhà sản xuất hoặc bên thứ ba được ủy quyền để hoàn thiện trong thời hạn 30 ngày làm việc”.* |
| 8 | ***Điều 6, khoản 5***  5. Nhà sản xuất thuê doanh nghiệp kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán và xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế trước khi nộp cho Văn phòng EPR Việt Nam. | Theo quy định tại khoản 3, Điều 74 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, doanh nghiệp được Nhà nước khuyến khích tự thực hiện kiểm toán môi trường. Vì vậy, chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo xem xét lại quy định bắt buộc nhà sản xuất phải thuê doanh nghiệp kiểm toán | Chúng tôi kiến nghị sửa khoản 5, Điều 6 thành:  “*Nhà sản xuất tự kiểm toán hoặc thuê doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán và xác nhận vào báo cáo kết quả tái chế trước khi nộp cho Văn phòng EPR Việt Nam*” |
| 9 | ***Điều 6, khoản 7***  7. Nhà sản xuất không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tái chế bắt buộc thì ngoài bị xử lý vi phạm hành chính còn bị truy thu gấp đôi số tiền chi ra để xử lý phần tỷ lệ không đạt được theo mức đóng góp tài chính quy định tại Điều 5 Nghị định này.  Số tiền truy thu phải được nộp vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam ngay sau khi nhận được quyết định xử lý vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền. Số tiền chậm nộp sẽ được tính lãi suất tiền nộp quá hạn ở mức bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền chậm nộp. | Để khuyến khích các hoạt động tái chế ở Việt Nam, theo chúng tôi Nghị định nên bổ sung quy định khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân đạt tỷ lệ tái chế cao hơn tỷ lệ bắt buộc. | Chúng tôi xin kiến nghị:   1. Sửa “truy thu gấp đôi số tiền...” thành “truy thu số tiền…” vì nhà sản xuất vi phạm đã bị xử phạt hành chính theo quy định hiện hành 2. Bổ sung quy định khen thưởng cho tổ chức, cá nhân đạt tỷ lệ tái chế cao hơn tỷ lệ bắt buộc. 3. Xem lại lãi suất tiền nộp quá hạn (0,03%/ngày) cho phù hợp với các quy định hiện hành. |
| 10 | ***Điều 7, khoản 1***  1. Nhà sản xuất lựa chọn hình thức tổ chức tái chế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 54 Luật bảo vệ môi trường có thể thực hiện tái chế bằng một trong các hình thức sau đây:  a) Tự mình thực hiện tái chế;  b) Thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế;  c) Ủy quyền toàn bộ cho bên thứ ba để tổ chức tái chế. | Ngoài các hình thức tái chế quy định tại khoản 1, Điều 7 của dự thảo Nghị định, chúng tôi thấy cần bổ sung thêm quy định đối với nhà sản xuất thu gom lại và chuyển giao cho đơn vị thứ ba để sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho ngành sản xuất.  *Ví dụ: Ký hợp đồng bán chai thủy tinh cho các công ty sản xuất thủy tinh, sau đó các công ty thủy tinh này sản xuất chai và cung cấp cho các Công ty sản xuất có sử dụng chai, ví dụ chai đựng thực phẩm.* | Chúng tôi kiến nghị bổ sung điểm d, khoản 1, Điều 7 như sau:  d) Chuyển giao cho bên thứ ba sử dụng làm nguyên liệu đầu vào của cho sản xuất sản phẩm có sử dụng nguyên liệu tại tái chế. |
| 11 | ***Điều 8, khoản 1***  1. Nhà sản xuất tự mình thực hiện tái chế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này và đơn vị tái chế được nhà sản xuất thuê để thực hiện tái chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có tư cách pháp nhân, chức năng và năng lực tái chế theo quy định của pháp luật.  b) Có giấy phép môi trường, bao gồm hoạt động tái chế theo quy định của pháp luật.  c) Không đang trong thời hạn bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | Các nhà sản xuất sản phẩm chỉ làm nhiệm vụ chính là sản xuất ra sản phẩm để bán trên thị trường, vì vậy nếu để thực hiện tự mình thực hiện tái chế thì đòi hỏi phải có thêm chức năng tái chế nữa là không phù hợp và không đúng với chuyên môn.  Thêm vào đó, giấy phép môi trường chỉ phục vụ cho công việc sản xuất, nếu có thêm phần giấy phép môi trường thì sẽ tốn thêm chi phí đầu tư cho doanh nghiệp để thực hiện các hạng mục bảo vệ môi trường. | Đề xuất: Xem xét và điều chỉnh điều khoản này để tạo điều kiện cho các nhà sản xuất được tự mình thực hiện trách nhiệm tái chế. |
| 12 | ***Điều 9, khoản 1***  Điều 9. Bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế  1. Bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có tư cách pháp nhân và được thành lập theo quy định của pháp luật;  b) Là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;  c) Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền;  d) Được ít nhất 03 nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế; trường hợp tổ chức tái chế bao bì thì phải được ít nhất 10 nhà sản xuất, nhập khẩu ủy quyền. | * Nhà sản xuất ủy quyền sẽ trả phí để hoạt động, như vậy việc tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận là không đạt yêu cầu. * Việc không trực tiếp tái chế mà thông qua một bên thứ ba sẽ làm phát sinh thêm chi phí cho các nhà sản xuất khác. * Khó xác định mối quan hệ sở hữu, vì các nhà sản xuất có thể thông qua các pháp nhân khác để sở hữu đơn vị tái chế * Đề nghị có báo cáo đánh giá tính khả thi và thực tiễn về khả năng đáp ứng của các đơn vị xử lý ngoài EPR để các nhà sản xuất có sự lựa chọn, đảm bảo tính cạnh tranh và bình đẳng. | Vì vậy, chúng tôi xin kiến nghị bỏ điểm b và d và sửa khoản 1, Điều 9 thành:  1. Bên thứ ba được nhà sản xuất ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 phải đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có tư cách pháp nhân và được thành lập theo quy định của pháp luật;  b) Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền”. |
| 13 | ***Điều 16, khoản 1 và 2***  1. Văn phòng Văn phòng EPR Việt Nam là cơ quan quản lý, vận hành hệ thống EPR; cơ quan thường trực của Hội đồng EPR quốc gia; giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, giám sát hoạt động tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất theo quy định của pháp luật.  2. Văn phòng EPR Việt Nam là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có con dấu, có tài khoản riêng tại Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật. Văn phòng EPR Việt Nam đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường. | * Nếu EPR là cơ quan quản lý thì đóng vai trò là cơ quan quản lý cấp nhà nước hay quản lý cấp độ như thế nào. * Nếu là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà đóng vai trò quản lý cấp nhà nước như vậy sẽ không phù hợp. | Vì vậy, chúng tôi xin kiến nghị:  (i) Làm rõ vai trò của Văn phòng EPR Việt Nam cho phù hợp với quy định hiện hành.  (ii) Sửa “giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “giúp Chủ tịch EPR” trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường không đảm nhận vị trí Chủ tịch Hội đồng EPR Việt Nam. |
| 14 | ***Điều 15, khoản 1***  1. Hội đồng EPR quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập. Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Văn phòng EPR Quốc gia; các thành viên bao gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính; đại diện các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì sau khi người tiêu dùng thải bỏ và các tổ chức, chuyên gia có liên quan. |  | * Làm rõ Chủ tịch Hội đồng và Giám đốc văn phòng có phải là thành viên của Hội đồng hay không? * Số lượng thành viên là bao nhiêu? * Điều kiện để Hiệp hội và Doanh nghiệp được tham gia là thành viên Hội đồng * Làm rõ hơn vai trò của Giám đốc EPR và các tiêu chuẩn cần thiết. |
| 15 | ***Điều 15, khoản 3***  3. Hội đồng EPR quốc gia hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số và theo quy chế hoạt động do Chủ tịch Hội đồng ban hành. Hoạt động của Hội đồng EPR thông qua phiên họp của Hội đồng định kỳ hoặc do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Các thành viên Hội đồng EPR quốc gia làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. | * Khi thực hiện bỏ phiếu, số lượng bằng nhau thì việc quyết định sẽ như thế nào? |  |
| 16 | ***Điều 16, khoản 1 và 2***  1. Văn phòng Văn phòng EPR Việt Nam là cơ quan quản lý, vận hành hệ thống EPR; cơ quan thường trực của Hội đồng EPR quốc gia; giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, giám sát hoạt động tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất theo quy định của pháp luật.  2. Văn phòng EPR Việt Nam là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có con dấu, có tài khoản riêng tại Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật. Văn phòng EPR Việt Nam đặt tại Bộ Tài nguyên và Môi trường. | * Nếu EPR là cơ quan quản lý thì đóng vai trò là cơ quan quản lý cấp nhà nước hay quản lý cấp độ như thế nào. * Nếu là tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận mà đóng vai trò quản lý cấp nhà nước như vậy sẽ không phù hợp. * Tổ chức bộ máy của Văn phòng EPR nên được tinh gọn để đảm bảo hiệu quả hoạt động và chi phí. | Vì vậy, chúng tôi xin kiến nghị:  (i) Làm rõ vai trò của Văn phòng EPR Việt Nam cho phù hợp với quy định hiện hành.  (ii) Sửa “giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường” thành “giúp Chủ tịch EPR” trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường không đảm nhận vị trí Chủ tịch Hội đồng EPR Việt Nam. |
| 17 | ***Điều 16, khoản 4***  4. Kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam được lấy từ tiền đóng góp từ nhà sản xuất quy định tại khoản 6 Điều 6 Nghị định này; tiền truy thu, tiền chậm nộp quy định tại khoản 7 Điều 6 và khoản 5 Điều 11 Nghị định này; 10% tổng số tiền thu từ nhà sản xuất quy định tại Điều 10 Nghị định này; các khoản thu khác theo quyết định của Hội đồng EPR quốc gia và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. | Chúng tôi đề xuất bỏ nguồn thu từ nhà sản xuất, mà thay vào đó là Ngân sách Nhà nước hỗ trợ hoặc trích từ Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. | Vì vậy, khoản 4, Điều 16 xin được sửa thành:  “4. Kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam được lấy từ tiền truy thu, tiền chậm nộp quy định tại khoản 7 Điều 6 và khoản 5 Điều 11 Nghị định này; và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật”. |
| 18 | ***Phụ lục 1, phân nhóm G1.1 và G1.2***  G.1.1. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml.  G.1.2. Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa bằng kim loại với dung tích trên 300 ml. | Thực tế, bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa, và bao bì kim loại nhôm có giá trị thương mại và dễ dàng thu gọm và tái chế 100% trên thị trường. Loại bao bì này còn tạo nguồn thu cho rất nhiều người tham gia vào quá trình thu gom, tái chế. Vì vậy, chúng tôi rất mong Ban soạn thảo cân nhắc tính cấp thiết phải yêu cầu trách nhiệm của nhà sản xuất trong việc thu gom, tái chế hai loại bao bì này. | Chúng tôi kiến nghị:  (i) Sửa quy định phân nhóm G1.1 thành “Thực phẩm và đồ uống sử dụng vật liệu chứa hỗn hợp có thành phần giấy với dung tích trên 100 ml, **trừ bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa”**.  (ii) Bỏ phân nhóm G1.2. |